VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KỸ THUẬT BIỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2024

BẢN TIN TUẦN KỲ 3

"Đợt đo ngày 10/03/2024 dự báo từ ngày 17÷23/3/2024"

1. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 10 tháng 03 năm 2024

Nhiệm vụ quan trắc tại 15 vị trí phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình 1, kết quả đo đạc như Bảng 1.

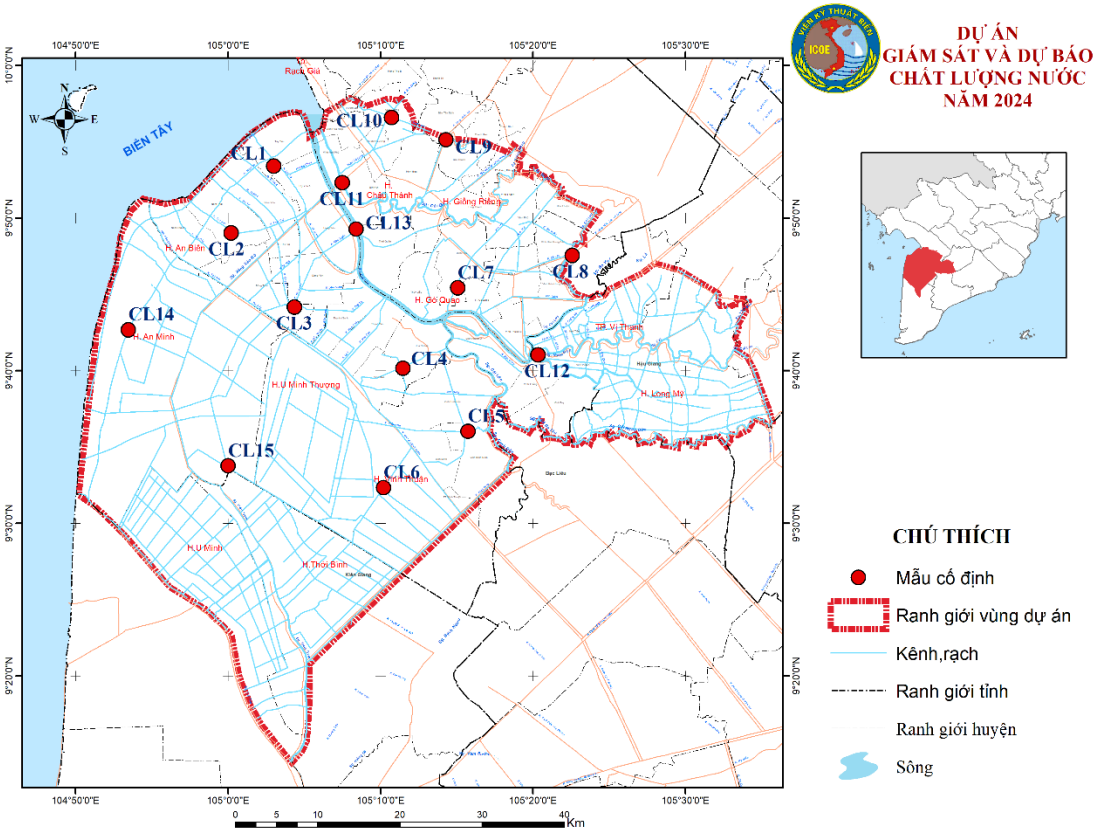

Hình 1: Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước năm 2024

Bảng 1: Kết quả đo đạc chất lượng nước tại 15 vị trí lấy mẫu

TT	Vị trí thu mẫu (Kí hiệu)	pH	Mặn	TSS	DO	BOD_5	COD	PO_4^{3-}	NH_4^+	NO_2^-	NO_3^-	Fe^{TS}	Coliform	Chỉ số WQI	Khuyến cáo
			‰	*mg/l*	*mgO_2/l*			*mg/l*					*MPN/ 100ml*		
	QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1	**5,5-9**		**50**	**>=4**	**15**	**30**	**0,3**	**0,9**	**0,05**	**10**	**1,5**	**7500**		
	Bảng 2, mức B QCVN08-MT:2023/BTNMT	**6-8,5**		**≤100**	**≥5**	**≤6**	**≤15**						**≤5.000**		
1	Điểm lấy mẫu trên kênh Xẻo Già, thuộc xã Tân Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang – **CL1**	7,46	13,60	92,14	**2,73**	**7,5**	**15,7**	0,15	0,72	0,01	0,05	0,87	920	81	Theo WQI CLN đảm bảo phục vụ cho tưới tiêu SXNN, độ mặn hiện nay có xu hướng tăng khá cao, tôm đang trong vụ nên cần chú ý độ mặn, chỉ tiêu DO khá thấp, không đạt quy chuẩn nên cần chú ý bổ sung thêm DO bằng cách sục khí trong các ao tôm.
2	Điểm lấy mẫu trên kênh Thứ 6 (tại vị trí cầu Nam Thái), thuộc xã Nam Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang – **CL2**	7,82	21,20	5,70	**4,45**	**12,4**	**21,2**	0,07	**1,25**	0,01	0,06	1,25	7200	65	Theo WQI CLN đảm bảo tưới tiêu SXNN. Độ mặn hiện nay có xu hướng tăng khá cao, tôm đang trong vụ nên cần chú ý độ mặn, chỉ tiêu DO khá

															thấp không đạt quy chuẩn nên cần chú ý bổ sung thêm DO bằng cách sục khí trong các ao tôm. Bên cạnh đó cần chú ý chỉ tiêu amoni và có biện pháp xử lý trước khi cho vào các ao tôm.
3	Điểm lấy mẫu trên kênh Số 1, thuộc xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang- **CL3**	7,2	10,40	18,39	**3,30**	**13,8**	**25,4**	0,02	**2,09**	0,01	0,14	1,50	**8100**	59	Theo WQI CLN đảm bảo phục vụ cho tưới tiêu SXNN. Cần chú ý theo dõi chỉ tiêu DO, amoni, coliform, BOD5 và COD vượt ngưỡng, có biện pháp xử lý khi lấy nước vào các ao nuôi tôm.
4	Điểm lấy mẫu trên kênh Ngang (kênh Sáu Sanh), thuộc xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang – **CL4**	7,44	7,80	KPH	5,18	**11,7**	**21,0**	0,04	**3,25**	0,02	0,25	**1,72**	**15000**	38	Theo WQI CLN kém, phù hợp cho giao thông thủy, không đảm bảo cho việc lấy nước tưới tiêu SXNN. Vị trí trên kênh Ngang ô nhiễm sắt tổng, BOD5, COD và coliform, do người dân thường xuyên thay nước ô nhiễm trong ao tôm ra ngoài, nên cần chú ý theo dõi

															các chỉ tiêu này trước khi lấy nước cho vào ao. Năm nay độ mặn có xu hướng cao hơn năm 2023.
5	Điểm lấy mẫu trên kênh Làng Thứ 7 (kênh Lộ Se), thuộc xã Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang – **CL5**	7,56	7,40	5,49	**2,16**	**15,1**	**30,4**	0,05	**1,15**	**0,12**	0,20	1,13	6900	53	Theo WQI CLN đảm bảo phục vụ tưới tiêu SXNN. Một vài chỉ tiêu DO, BOD5, COD, amoni và nitrite vượt ngưỡng, nên người dân cần lưu ý trước khi lấy nước cho vào ao nuôi tôm, cá. Độ mặn có xu hướng tăng cao nên cần chú ý theo dõi độ mặn trong vài ngày tới.
6	Điểm lấy mẫu trên kênh 8000 giao với Lộ Kênh 2, thuộc xã Tân Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang- **CL6**	7,68	6,60	22,65	**1,23**	**11,4**	**23,4**	0,05	0,84	0,04	0,18	1,21	720	76	Theo WQI CLN đảm bảo phục vụ tưới tiêu SXNN, có thể phục vụ cho sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý. DO khá thấp nên cần chú ý bổ sung DO bằng các biện pháp sục khí trước khi cho vào các ao tôm.
7	Điểm lấy mẫu trên kênh KH5, thuộc xã Định	7,36	**3,90**	KPH	**3,94**	**7,8**	**15,6**	0,06	0,74	0,08	0,22	1,46	2100	74	Theo WQI CLN đảm

	Hòa, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang – **CL7**													bảo phục vụ tưới tiêu SXNN. Hiện nay lúa đang trong giai đoạn thu hoạch, độ mặn trên kênh khá cao vượt 2‰ nên cần hạn chế cho vào ruộng lúa.
8	Điểm lấy mẫu tại nơi giao nhau giữa sông Cái Bé với kênh Ô Môn (sông Ba Hồ), thuộc xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang – **CL8**	7,52	0,10	28,90	**4,15**	**18,2**	**30,4**	0,05	**2,50**	0,02	0,18	1,08	**7600**	60	Theo WQI CLN ở khu vực này đảm bảo phục vụ tưới tiêu SXNN, bảo tồn động vật thủy sinh. Một vài chỉ tiêu vượt ngưỡng cần xử lý: BOD5, COD, amoni và Coliform nên hạn chế tưới cho rau ăn sống. Hiện nay lúa đang trong giai đoạn trổ đồng nên người dân sử dụng nhiều phân bón, làm cho chỉ tiêu amoni này tăng cao.
9	Điểm lấy mẫu trên kênh Chưng Bầu, thuộc xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang – **CL9**	7,28	0,10	39,05	**3,42**	**14,7**	**26,4**	0,05	**1,69**	**0,10**	0,20	**1,80**	**8400**	50	Theo WQI CLN ở khu vực này kém, chỉ phục vụ cho giao thông thủy, không đảm bảo cho mục đích SXNN. Một vài chỉ tiêu cần chú ý và

														có biện pháp xử lý: BOD_5, COD amoni, nitrite, sắt tổng và coliform, do gần vị trí lấy mẫu đông dân cư và chợ, đa số người dân sống dọc kênh nên xả thải trực tiếp xuống kênh và 1 phần từ lượng phân bón hóa chất từ SXNN.
10	Điểm lấy mẫu trên kênh xáng Giồng Riềng, thuộc xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang – **CL10**	7,32	0,10	72,15	**3,21**	**15,9**	**28,1**	0,06	**1,25**	**0,06**	0,16	1,40	6200	57	Theo WQI CLN đảm bảo phục vụ tưới tiêu SXNN. Vị trí trên kênh Xáng Giồng Riềng ô nhiễm hữu cơ BOD5, COD, amoni và nitrite khá cao do người dân thường xuyên xả thải trực tiếp xuống kênh và ảnh hưởng từ lượng phân bón từ SXNN, bên cạnh đó gần vị trí CL10 có nhà máy chế thủy sản nên 1 phần cũng ảnh hưởng đến CLN.
11	Điểm lấy mẫu trên sông Cái Bé (tại bến phà Tắc Cậu), thuộc xã Bình An,	7,42	3,20	41,27	**2,61**	**9,3**	**18,2**	0,08	0,49	**0,06**	0,10	0,97	810	74	Chất lượng nước tại bến phà Tắc Cậu có ô nhiễm hữu cơ, nitrie

	huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang – **CL11**													khá cao do ảnh hưởng từ các nhà máy chế biến thủy hải sản ở khu vực xung quanh.
12	Điểm lấy mẫu trên sông Nước Đục (tại bến phà Hòa Tiến), thuộc Xã Hòa Tiến, Tp. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang – **CL12**	7,2	4,40	6,60	**4,52**	**7,9**	**15,4**	0,06	0,52	0,03	0,04	1,16	690	86	Chất lượng nước trên sông Nước Đục khá tốt, đa số các chỉ tiêu đều đạt quy chuẩn cho phép, đảm bảo phục vụ SXNN, có thể sử dụng cho sinh hoạt nhưng cần xử lý trước khi sử dụng. Cần chú ý theo dõi độ mặn trong vài ngày tới, độ mặn khá cao vượt **2‰** nên cần hạn cho tưới cho các loại cây trồng.
13	Điểm lấy mẫu trên sông Cái Lớn giao với kênh Năm Ngàn, thuộc xã Hưng Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang – **CL13**	7,2	11,80	55,10	4,96	**13,8**	**24,1**	0,05	0,47	0,15	0,31	0,89	540	74	Theo WQI CLN đảm bảo phục vụ tưới tiêu SXNN và NTTS. Cần chú ý xử lý BOD_5 và COD trước khi cho vào các ao tôm.
14	Điểm lấy mẫu trên kênh Xẻo Nhàu giao với kênh Chống Mỹ, xã Tân Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang – **CL14**	7,75	21,80	42,37	5,39	**9,0**	**16,8**	0,09	0,60	0,01	0,15	1,23	950	86	Theo WQI CLN đảm bảo phục vụ tưới tiêu SXNN và NTTS, có thể sử dụng cho sinh hoạt nhưng cần có

															biện pháp xử lý.
15	Điểm lấy mẫu trên kênh Cùng giao với kênh KT1, xã Đông Hưng, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang – **CL15**	7,50	19,20	78,02	**4,72**	**8,5**	**17,2**	0,08	0,71	0,04	0,17	**1,74**	840	84	Theo WQI CLN đảm bảo phục vụ tưới tiêu SXNN và NTTS, có thể sử dụng cho sinh hoạt nhưng cần có biện pháp xử lý. Cần chú ý chỉ tiêu BOD_5, COD và sắt tổng trước khi lấy nước vào các ao tôm.

[Ghi chú: các giá trị của chỉ số nào vượt ngưỡng cột B1 (QCVN 08MT:2015) và mức B (QCVN 08MT:2023) thì in đậm]

Thang đo đánh giá chất lượng nước theo WQI

Loại	Giá trị WQI	Chất lượng nước	Mức đánh giá chất lượng nước	Thang
I	91 – 100	Rất tốt	Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt	
II	76 – 90	Tốt	Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp	
III	51 - 75	Trung bình	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	
IV	26 - 50	Kém	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác	
V	10 – 25	Ô nhiễm nặng	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	

VI	<10	Ô nhiễm rất nặng	Nước nhiễm độc, cần có biện pháp khắc phục, xử lý	

2. Dự báo chất lượng nước ngày 17/3÷23/03/2024

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: độ mặn, DO, BOD_5, NH_4^+ từ ngày 17/3/2024 đến 23/3/2024 được thể hiện qua các Bảng 2 đến Bảng 5 như sau:

2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo từ 17/3÷23/03/2024 dao động trong khoảng 0,00÷20,5‰, độ mặn năm nay có xu hướng cao hơn so với năm ngoái. Độ mặn tại các vị trí SXNN khá cao tại vị trí trên kênh KH5-CL7 và sông Cái Bé giao với kênh Ô Môn-CL12 nên cần chú ý theo dõi. Độ mặn cao nhất là tại vị trí kênh Xẻo Nhàu giao kênh Chống Mỹ-CL14, đây là khu vực chuyên nuôi tôm quanh năm. Với tình hình diễn biến phức tạp của độ mặn trong thời gian gần đây, công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi miền Nam đã ban hành văn bản số 57/KH-TLMN-ĐBSCL ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc vận hành Cụm cống Cái Lớn, Cái Bé, Xẻo Rô tháng 3/2024.

Bảng 2: Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 17/3÷23/03/2024

Kí hiệu	Độ mặn dự báo (mg/l)								
	17/03	18/03	19/03	20/03	21/03	22/03	23/03	Max	Min
CL1	13,15	13,07	13,12	13,28	13,32	13,25	13,65	13,65	13,07
CL2	20,05	20,13	20,12	20,15	20,15	20,08	19,93	20,15	19,93
CL3	10,18	10,22	10,09	9,91	9,68	9,23	8,23	10,22	8,23
CL4	6,16	6,23	6,25	6,24	6,17	6,02	5,81	6,25	5,81
CL5	7,73	5,81	4,22	4,50	5,25	5,46	5,76	7,73	4,22
CL6	6,07	6,17	7,40	9,25	10,80	10,92	10,59	10,92	6,07
CL7	2,76	2,87	2,74	2,44	2,11	1,85	1,03	2,87	1,03
CL8	0,00	0,00	0,00	0,00	0,01	0,01	0,01	0,01	0,00
CL9	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,01	0,03	0,03	0,00
CL10	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,02	0,04	0,04	0,00
CL11	2,02	2,38	2,79	3,09	3,18	3,08	2,83	3,18	2,02
CL12	3,84	3,96	3,97	3,60	2,65	2,56	2,66	3,97	2,56
CL13	10,48	10,87	10,86	10,40	9,68	9,32	9,51	10,87	9,32
CL14	19,20	19,71	19,87	19,97	20,12	20,20	19,79	20,20	19,20
CL15	19,71	19,96	18,83	18,00	17,81	18,14	16,39	19,96	16,39
Ranh mặn	<1 ‰	1‰-4‰		>4‰					

2.1.1.1. Oxy hòa tan (DO)

Bảng 3: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 17/3÷23/03/2024

Kí hiệu	DO dự báo (mg/l)								
	17/03	18/03	19/03	20/03	21/03	22/03	23/03	Max	Min
CL1	3,47	3,77	3,94	4,05	4,12	4,16	4,19	4,19	3,47
CL2	4,71	4,71	4,59	4,51	4,57	4,69	4,73	4,73	4,51
CL3	3,57	3,43	3,61	3,77	3,68	3,54	3,51	3,77	3,43

CL4	5,23	5,30	5,28	5,21	5,10	5,11	5,14	5,30	5,10
CL5	2,48	2,69	2,93	3,03	3,11	3,25	3,43	3,43	2,48
CL6	1,85	2,19	2,78	3,40	3,71	3,80	3,72	3,80	1,85
CL7	4,53	4,69	4,79	4,88	4,97	5,05	5,14	5,14	4,53
CL8	4,69	4,64	4,58	4,56	4,59	4,62	4,64	4,69	4,56
CL9	4,32	4,30	4,37	4,79	4,96	4,97	4,91	4,97	4,30
CL10	4,97	4,91	4,82	4,81	4,87	4,94	4,96	4,97	4,81
CL11	2,62	2,35	2,02	2,14	2,68	3,21	3,52	3,52	2,02
CL12	5,28	5,38	5,47	5,55	5,53	5,52	5,58	5,58	5,28
CL13	5,64	5,59	5,56	5,54	5,46	5,38	5,40	5,64	5,38
CL14	5,36	5,39	5,43	5,46	5,49	5,52	5,58	5,58	5,36
CL15	4,99	4,87	4,81	4,83	4,88	4,92	4,95	4,99	4,81
QCVN 08 (Cột A1)		>=6							
QCVN 08 (Cột B1)		>=4							
Vượt cột B1		<4							

Hàm lượng DO dự báo có xu hướng thấp hơn so với vào cuối tháng 2, dao động từ 1,85÷5,64 mg/l, nhiều vị trí đều đạt QCVN , đảm bảo cho bảo tồn động vật thủy sinh và NTTS, trừ vị trí trên kênh Xẻo Già-CL1, kênh Số 1-CL3, kênh Làng Thứ 7-CL5, kênh 8000 giao với Lộ Kênh 2 và sông Cái Bé tại bến phà Tắc Cậu có DO khá thấp, nên cần chú ý bổ sung DO bằng các biện pháp sục khí khi lấy nước vào các ao tôm.

2.1.1.2. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD_5)

Hàm lượng BOD_5 dự báo dao động từ 7,66÷18,15 mg/l, cho thấy chất lượng nước trong hệ thống đang bị ô nhiễm hữu cơ vượt quá khả năng làm sạch của nguồn nước. Vị trí sông Cái Bé giao với kênh Ô Môn-CL8 khá ô nhiễm hữu cơ nên cần hạn chế lấy nước cấp cho sinh hoạt và các loại rau ăn sống. Nhìn chung chất lượng nước trong hệ thống đảm bảo cơ bản cho mục đích bảo tồn động vật thủy sinh và NTTS.

Bảng 4: Giá trị dự báo BOD_5 tại các điểm giám sát từ 17/3÷23/03/2024

Kí hiệu	BOD5 dự báo (mg/l)								
	17/03	**18/03**	**19/03**	**20/03**	**21/03**	**22/03**	**23/03**	**Max**	**Min**
CL1	8,21	8,24	8,31	8,37	8,45	8,65	8,39	8,65	8,21
CL2	12,05	12,16	12,23	12,23	12,23	12,33	12,38	12,38	12,05
CL3	13,76	13,26	12,92	12,72	12,85	13,39	14,13	14,13	12,72
CL4	11,03	11,09	11,09	10,94	10,75	10,66	10,65	11,09	10,65
CL5	14,77	15,17	15,46	14,85	13,75	13,27	13,06	15,46	13,06
CL6	11,96	11,96	11,95	11,87	11,69	11,50	11,36	11,96	11,36
CL7	9,02	9,01	9,00	8,98	8,97	8,99	9,01	9,02	8,97
CL8	17,95	18,15	17,63	16,94	16,29	15,52	14,79	18,15	14,79
CL9	12,34	12,44	12,49	12,40	12,18	11,92	11,75	12,49	11,75
CL10	13,00	13,20	13,33	13,43	13,62	13,56	13,46	13,62	13,00
CL11	10,20	11,34	11,95	12,28	11,92	11,59	11,04	12,28	10,20
CL12	8,25	8,26	8,29	8,32	8,38	8,42	8,71	8,71	8,25

CL13	13,41	13,12	12,86	12,62	12,33	11,95	11,56	13,41	11,56
CL14	8,28	8,30	8,32	8,37	8,44	8,55	8,56	8,56	8,28
CL15	7,66	7,67	7,73	7,79	7,75	7,72	7,72	7,79	7,66
QCVN 08 (Cột A1)		4							
QCVN 08 (Cột B1)		15							
Vượt cột B1		>15							

2.1.1.3. Amoni (NH_4^+)

Giá trị NH_4^+_N dự báo dao động từ 0,38÷3,65 mg/l, nhiều vị trí vượt cột B1 (vị trí CL3, CL4, CL8, CL9, CL10), các vị trí còn lại dao động trong khoảng giữa cột A1 và B1, cho thấy chất lượng nước đợt này có xu hướng bị ô nhiễm dinh dưỡng ở mức trung bình nên cần chú ý theo dõi để có biện pháp xử lý trước khi lấy nước vào các ao tôm.

Bảng 5: Giá trị dự báo NH_4^+ tại các điểm giám sát từ 17/3÷23/03/2024

Kí hiệu	**Amôni dự báo (mg/l)**								
	17/03	**18/03**	**19/03**	**20/03**	**21/03**	**22/03**	**23/03**	**Max**	**Min**
CL1	0,61	0,63	0,66	0,69	0,70	0,69	0,70	0,70	0,61
CL2	0,91	0,89	0,87	0,86	0,84	0,82	0,81	0,91	0,81
CL3	1,48	1,48	1,39	1,27	1,14	1,03	0,92	1,48	0,92
CL4	3,65	3,53	3,09	2,59	2,24	2,03	1,89	3,65	1,89
CL5	1,03	1,03	1,04	1,10	1,11	1,04	0,99	1,11	0,99
CL6	0,78	0,77	0,70	0,66	0,68	0,66	0,62	0,78	0,62
CL7	0,63	0,58	0,59	0,62	0,66	0,66	0,63	0,66	0,58
CL8	2,34	2,48	2,45	2,12	1,90	1,68	1,50	2,48	1,50
CL9	1,34	1,33	1,31	1,20	1,13	1,13	1,11	1,34	1,11
CL10	0,91	0,95	0,92	0,89	0,91	0,91	0,89	0,95	0,89
CL11	0,39	0,38	0,40	0,44	0,41	0,52	0,61	0,61	0,38
CL12	0,51	0,52	0,50	0,47	0,43	0,40	0,38	0,52	0,38
CL13	0,54	0,56	0,53	0,48	0,47	0,48	0,49	0,56	0,47
CL14	0,53	0,53	0,54	0,55	0,56	0,57	0,57	0,57	0,53
CL15	0,66	0,66	0,62	0,60	0,59	0,64	0,66	0,66	0,59
QCVN 08 (Cột A1)		0,3							
QCVN 08 (Cột B1)		0,9							
Vượt cột B1		>0,9							

Kết luận chung:

- Độ mặn trong giữa tháng 3 có xu hướng tăng cao tại các vị trí chuyên nuôi trồng thủy sản ở các huyện An Minh, An Biên. Trong thời gian tới độ mặn dự báo có xu hướng diễn biến phức tạp nên người dân cần chú ý theo dõi độ mặn để có chế độ lấy nước cho phù hợp.

- Kết quả dự báo DO tương đối thấp không phù hợp cho NTTS, dự báo amôni và BOD phản ảnh được xu thế ô nhiễm dinh dưỡng và hữu cơ trong hệ thống thủy lợi Cái Lớn-Cái Bé, đặc biệt là vị trí trên kênh Ngang, kênh Làng Thứ 7, kênh Chưng Bầu và kênh Ô Môn ô nhiễm khá cao vượt quy chuẩn. Do các kênh này tập trung đông người dân sống dọc kênh, chăn nuôi và xả nước thải trực tiếp xuống kênh và ảnh hưởng 1 phần từ các nhà máy chế biến thủy hải sản trong khu vực, nên cần chú ý theo dõi để có biện pháp xử lý kịp thời. Nhìn chung chất lượng nước trong hệ thống cơ bản vẫn đáp ứng cho mục đích NTTS và SXNN.

VIỆN KỸ THUẬT BIỂN
VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KỸ THUẬT BIỂN

Phạm Văn Tùng

Nơi nhận
- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&PTNT, CTTL các tỉnh Kiên Giang và Hậu Giang, Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi miền Nam;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (để b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB